

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 01 năm 2026

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thành Sơn

2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tấn Phát – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ. Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bình T, sinh năm 1987 (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã P, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn:* Chị Liễu Thị Hồng G, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã P, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Bình T trình bày: Anh và chị Liễu Thị Hồng G tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn năm 2008. Thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2010 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Do tình cảm không còn anh T yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị G có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Diệu Á,

sinh ngày 28/12/2008 hiện con đang sống với anh T, anh yêu cầu tiếp tục nuôi con. Không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Tại văn bản ngày 28/7/2025 chị Liễu Thị Hồng G trình bày: Chị và anh T sống chung, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân. Anh T yêu cầu ly hôn chị G đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con là cháu Nguyễn Thị Diệu Á, sinh ngày 28/12/2008 hiện con đang sống với anh T. Chị G đồng ý giao con chung lại cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn chị Liễu Thị Hồng G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Anh T và chị G tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 2008 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của đương sự thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị G có ý kiến đồng ý ly hôn với anh T do tình cảm không còn. Điều đó cho thấy anh T và chị G mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên anh T yêu cầu ly hôn với chị G là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị G có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Diệu Á, sinh ngày 28/12/2008, cháu Á sống với anh T từ nhỏ, đồng thời chị G có ý kiến để anh T tiếp tục nuôi cháu Á. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Á thì cháu cũng có nguyện vọng sống với cha. Nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Diệu Á cho anh Nguyễn Bình T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị G chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Bình T phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bình T và chị Liễu Thị Hồng G được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Diệu Á, sinh ngày 28/12/2008 cho anh Nguyễn Bình T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Á tròn 18 tuổi. Chị G chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Bình T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0006139 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh